TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH THẠNH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1010/2018/QĐST-HNGĐ	*Bình Thạnh, ngày 05 tháng 6 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ việc dân sự thụ lý số 801/2018/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 5 năm 2018, về việc "Thuận tình ly hôn", giữa:

Người yêu cầu: Bà **L,** sinh năm: 1992
Cư trú: XVNT, phường A, Q. BT, TP. Hồ Chí Minh.

Người yêu cầu: Ông **T**, sinh năm 1989
Cư trú: Tổ 2, ấp TH, xã ATĐ, huyện CB, tỉnh TG.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án; Luật thi hành án dân sự.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự ngày 28 tháng 5 năm 2018.

Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 12/2015, quyển số 01/2015, ngày 22 tháng 01 năm 2015 của Ủy ban nhân dân phường A, QBT, TP. Hồ Chí Minh.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 5 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Người yêu cầu: Bà L;

Người yêu cầu: T
2/ Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông T thuận tình ly hôn.

2. 2/ Về con chung: Có 01 con chung là P, sinh ngày 12/12/2014. Bà L và ông T thống nhất thỏa thuận giao con chung tên P cho bà Lan là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng, bắt đầu thi hành từ tháng 6/2018 cho đến khi con trưởng thành

Ông T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung tên P; Không ai được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bà L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông T không thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con nêu trên, thì ông T còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2.3/ Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3/ Về lệ phí: Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, bà L và ông T phải chịu, được trừ vào khoản tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0004474 ngày 09/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Thạnh.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND phường a, quận BT, TP. Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn thư.

THẨM PHÁN

Lê Thị Minh Thảo